

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày 18/5/2021

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Minh Hải và bà Võ Thị Mơ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: 35 Hàng V, quận K, TP. Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Văn C; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ - Là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ.

*Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, chức vụ Giám đốc phòng giao dịch huyện Đ là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 962A/QĐ - ĐN ngày 22/8/2019 của Giám đốc Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Thuận H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn Hân người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Đắk Song ký hợp đồng vay vốn với bà Bùi Thị T (là giáo viên Trường mầm non H), hiện nay đã được UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 về việc chấm dứt

hợp đồng làm việc (căn cứ đơn xin nghỉ việc của bà T), hình thức vay vốn tín chấp trả bằng hình thức trừ lương hàng tháng, cụ thể bà T vay các khoản như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017, tài khoản vay 63582000387392 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch huyện Đ với bà Bùi Thị T kết vay số tiền gốc là 165.000.000 đồng, thời hạn vay 40 tháng, trả nợ định kỳ hàng tháng với số tiền gốc là 4.125.000 đồng, lãi theo số nợ dư thực tế, lãi suất thỏa thuận là 11, 5 %/ năm, tự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ niêm yết, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Quá trình vay vốn bà T trả được 86.625.000 đồng tiền gốc và lãi 24.437.461 đồng. Thời hạn bà T vi phạm quá hạn gốc và lãi là ngày 01/10/2019.

Hiện nay hợp đồng này còn nợ số tiền gốc 78.375.000 đồng; lãi trong hạn là 15.429.234 đồng, lãi chậm trả 3.953.593 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018, số tài khoản vay 63582000499367 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch huyện Đ với bà Bùi Thị T ký hợp đồng vay số tiền là 35.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, trả nợ định kỳ hàng tháng, thời hạn trả vào ngày 10 hàng tháng, lãi theo số nợ dư thực tế, lãi suất thỏa thuận là 10,5 %/ năm, tự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ niêm yết, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Quá trình vay vốn bà T trả được tiền gốc 10.800.000 đồng, tiền lãi 3.238.715 đồng. Thời hạn bà T vi phạm quá hạn gốc và lãi là ngày 25/12/2019.

Hiện nay hợp đồng này còn nợ số tiền gốc là: 24.200.000 đồng, lãi trong hạn là 3.298.097 đồng, lãi chậm trả 1.025.146 đồng.

Sau khi nghỉ việc bà Bùi Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương (không biết ở đâu) cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để có căn cứ giải quyết.

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Bùi Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền dư nợ còn lại cả tiền gốc và lãi là 126.281.070 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*) trong đó nợ tiền gốc 102.575.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), tổng nợ lãi 23.706.070 đồng (Lãi trong hạn là 18.727.331 đồng, lãi chậm trả 4.978.739 đồng).

Kể từ ngày 19/5/2021 bà Bùi Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018 đối với số tiền gốc chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Do vay vốn bằng hình thức tín chấp nên không có tài sản thế chấp theo quy định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**Bị đơn bà Bùi Thị T:** Theo kết quả xác minh tại địa phương thì bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm cũng như thời hạn làm việc. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà T, nhưng bà T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành quá trình tham gia tố tụng.

-Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, buộc bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc là 102.575.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 19/5/2021 bà Bùi Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018 đối với số tiền gốc chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Do vay vốn bằng hình thức tín chấp nên không có tài sản thế chấp theo quy định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị T phải trả số tiền gốc 102.575.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện

nay, bà T có đăng ký hộ khẩu tại xã Thuận H, huyện Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị T đã đi khỏi địa phương, hiện nay đi đâu không rõ, không thông báo cho Ngân hàng biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng bà T không về làm việc như đã thông báo. Đồng thời, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T không chấp hành. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ các hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018 các khoản vay trên bà Bùi Thị T đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; mục đích vay vốn là phục vụ sinh hoạt. Hiện nay, khoản vay này đã quá hạn, nguyên nhân bà T không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ. Quá trình thực hiện các hợp đồng bà T trả được tổng số tiền gốc là 97.425.000 đồng, lãi là 27.676.176 đồng. Tính đến ngày xét xử bà T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 102.575.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và tiền lãi của các hợp đồng tính đến ngày 18/5/2021, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên các hợp đồng về lãi suất do các bên thỏa thuận, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả thì bà T còn nợ tổng nợ lãi 23.706.070 đồng (Lãi trong hạn là 18.727.331 đồng, lãi chậm trả 4.978.739 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi của là 126.281.070 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*) Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 19/5/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.3] Do vay vốn bằng hình thức tín chấp không đăng ký thế chấp tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

[2.4] Trường hợp bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 126.281.070 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*) x 5% = 6.314.053 đồng (Làm tròn 6.314.000 đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 126.281.070 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*) trong đó tiền gốc là 102.575.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), tổng nợ lãi 23.706.070 đồng (*Hai mươi ba triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, không trăm bảy mươi đồng*), (gồm lãi trong hạn là 18.727.331 đồng, lãi chậm trả 4.978.739 đồng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 18/5/2021.

Kể từ ngày 19/5/2021, bà Bùi Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 635/2017/10553944/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 635/2018/10553944/HĐTD ngày 25/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Bùi Thị T phải nộp 6.314.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 2.847.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002059 ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Hoàng Thị Thu Hà**